

20 CÂU LUYỆN TẬP

Thì Hiện Tại Đơn — Buổi 2

Họ tên học viên: Ngày:

Hướng dẫn: Khoanh tròn đáp án đúng cho mỗi câu. Đáp án ở trang cuối, chỉ xem sau khi làm xong.

BẮT LỖI

Câu 1. He watches TV every night.

- A. Đúng
- B. Sai

CHIA ĐÚNG ĐỘNG TỪ

Câu 2. She ___ TV every night. (watch)

- A. watchs
- B. watches
- C. watch

VỊ TRÍ TRẠNG TỪ TẦN SUẤT

Câu 3. Câu nào đúng?

- A. She usually works late.
- B. She works usually late.

CHỌN TỪ ĐỂ HỎI ĐÚNG

Câu 4. Trả lời: "I live in Da Nang." — Hỏi thế nào?

- A. What do you live?
- B. Where do you live?
- C. When do you live?

BẮT LỖI

Câu 5. I is a teacher.

- A. Đúng
- B. Sai

CHIA ĐÚNG ĐỘNG TỪ

Câu 6. He ___ English on weekends. (study)

- A. studys
- B. studies
- C. studyes

VỊ TRÍ TRẠNG TỪ TẦN SUẤT

Câu 7. Câu nào đúng?

- A. He is always tired.
- B. He always is tired.

CHỌN TỪ ĐỂ HỎI ĐÚNG

Câu 8. Trả lời: "I wake up at 6." — Hỏi thế nào?

- A. When do you wake up?
- B. Why do you wake up?
- C. Who do you wake up?

BẮT LỖI

Câu 9. They goes to school.

- A. Đúng
- B. Sai

CHIA ĐÚNG ĐỘNG TỪ

Câu 10. My sister ___ to the gym. (go)

- A. goes
- B. gos
- C. go

VỊ TRÍ TRẠNG TỪ TẦN SUẤT

Câu 11. Câu nào đúng?

- A. I never drink coffee.
- B. I drink never coffee.

CHỌN TỪ ĐỂ HỎI ĐÚNG

Câu 12. Trả lời: "I study English because I want a better job." — Hỏi thế nào?

- A. Where do you study English?
- B. Why do you study English?
- C. What do you study English?

BẮT LỖI

Câu 13. She usually is tired.

- A. Đúng
- B. Sai

CHIA ĐÚNG ĐỘNG TỪ

Câu 14. He ___ his teeth twice a day. (brush)

- A. brushs
- B. brushes
- C. brush

VỊ TRÍ TRẠNG TỪ TẦN SUẤT

Câu 15. Câu nào đúng?

- A. They are often busy.
- B. They often are busy.

CHỌN TỪ ĐỂ HỎI ĐÚNG

Câu 16. Trả lời: "I exercise three times a week." — Hỏi thế nào?

- A. How often do you exercise?
- B. What do you exercise?
- C. When do you exercise?

BẮT LỖI

Câu 17. We live in Da Nang.

- A. Đúng
- B. Sai

CHIA ĐÚNG ĐỘNG TỪ

Câu 18. She ____ dinner at 6. (cook)

- A. cooks
- B. cookes
- C. cook

VỊ TRÍ TRẠNG TỪ TẦN SUẤT

Câu 19. Câu nào đúng?

- A. We sometimes cook at home.
- B. We cook sometimes at home.

CHỌN TỪ ĐỂ HỎI ĐÚNG

Câu 20. Trả lời: "I am a tutor." — Hỏi thế nào?

- A. What do you do?
- B. Where do you do?
- C. Why do you do?

ĐÁP ÁN

(Phần dành cho giáo viên / tự đối chiếu sau khi làm xong)

Câu 1 (Bắt lỗi) — Đáp án: **A. Đúng**

Đúng — watch tận cùng -ch nên thêm -es: watches.

Câu 2 (Chia đúng động từ) — Đáp án: **B. watches**

watch tận cùng -ch, thêm -es: watches.

Câu 3 (Vị trí trạng từ tần suất) — Đáp án: **A. She usually works late.**

Trạng từ tần suất đứng trước động từ thường.

Câu 4 (Chọn từ để hỏi đúng) — Đáp án: **B. Where do you live?**

Hỏi nơi ở, dùng Where.

Câu 5 (Bắt lỗi) — Đáp án: **B. Sai**

Sai — phải là "I am a teacher."

Câu 6 (Chia đúng động từ) — Đáp án: **B. studies**

Phụ âm cộng y, đổi y thành i, thêm -es: studies.

Câu 7 (Vị trí trạng từ tần suất) — Đáp án: **A. He is always tired.**

Với to be, trạng từ tần suất đứng sau to be.

Câu 8 (Chọn từ để hỏi đúng) — Đáp án: **A. When do you wake up?**

Hỏi thời điểm, dùng When.

Câu 9 (Bắt lỗi) — Đáp án: **B. Sai**

Sai — chủ ngữ they không thêm -s: "They go to school."

Câu 10 (Chia đúng động từ) — Đáp án: **A. goes**

go tận cùng -o, thêm -es: goes.

Câu 11 (Vị trí trạng từ tần suất) — Đáp án: **A. I never drink coffee.**

Trạng từ tần suất đứng trước động từ thường.

Câu 12 (Chọn từ để hỏi đúng) — Đáp án: **B. Why do you study English?**

Hỏi lý do, dùng Why.

Câu 13 (Bắt lỗi) — Đáp án: **B. Sai**

Sai — phải là "She is usually tired."

Câu 14 (Chia đúng động từ) — Đáp án: **B. brushes**

brush tận cùng -sh, thêm -es: brushes.

Câu 15 (Vị trí trạng từ tần suất) — Đáp án: **A. They are often busy.**

Với to be, trạng từ tần suất đứng sau to be.

Câu 16 (Chọn từ để hỏi đúng) — Đáp án: **A. How often do you exercise?**

Hỏi tần suất, dùng How often.

Câu 17 (Bắt lỗi) — Đáp án: **A. Đúng**

Đúng — cấu trúc đã chuẩn.

Câu 18 (Chia đúng động từ) — Đáp án: **A. cooks**

cook là động từ thường, chỉ thêm -s: cooks.

Câu 19 (Vị trí trạng từ tần suất) — Đáp án: **A. We sometimes cook at home.**

Trạng từ tần suất đứng trước động từ thường.

Câu 20 (Chọn từ để hỏi đúng) — Đáp án: A. What do you do?
Hỏi nghề nghiệp, dùng "What do you do?"

Gợi ý chấm điểm: 17-20 đúng = Xuất sắc | 12-16 đúng = Khá tốt | dưới 12 = Cần luyện thêm.